

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG - TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 32, 33, 34 và Điều 35 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 30/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lại Quốc H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh TB.

- Chị Phạm Thị Lệ, sinh năm 1981.

HKTT: Tổ 1, Tổ 1, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh TB.

Địa chỉ: Thôn ĐN, xã ĐĐ, huyện huyện ĐH, tỉnh TB

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lại Quốc H, chị Phạm Thị L cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án về việc thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng quy định tại Khoản 2 điều 29, điểm b, khoản 2 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh H, chị L kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2007 tại UBND thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ngày 28/6/2019 mâu thuẫn càng tăng, chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vợ chồng đã sống ly thân. Việc mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, nay anh H, chị L có đơn xin thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, thống nhất lựa chọn hòa giải viên giải quyết. Ngày 24/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng chị L và anh H đã được hòa giải viên tiến hành hòa giải, chị L và anh H xác định tình cảm vợ chồng

không, vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy: Đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành về việc thuận tình ly hôn của chị L và anh H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; chị L và anh H đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Các bên là người có quyền và nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận thống nhất.

Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức cá nhân khác.

Đã hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu do hòa giải viên chuyển đến do vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chị L và anh H

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lại Quốc Hưng và chị Phạm Thị Lệ
- Về con chung: Anh H, chị L có 02 con chung là Lại Quốc B, sinh ngày 16/5/2008 và Lại Cao Bảo Ph, sinh ngày 23/01/2012. Anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lại Quốc B, chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lại Cao Bảo Ph. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình.

- Anh H và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.
- Về lệ phí: Anh H và chị L phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh H và chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng theo biên lai số 0002704 ngày 24 tháng 3 năm 2021 thành tiền lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Đông Hưng;
- UBND thị trấn ĐH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(đã ký)

Hà Thị Nhung

QUYẾT ĐỊNH**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:.../..../TLST-.....⁽³⁾ ngày...tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....
.....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).